

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 5 năm 2023
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yên Nhi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Khưu Liên Dung

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị D, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ kiện chị Đinh Thị D là nguyên đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã. Anh T đi làm, nhưng không mang tiền về lo cho vợ con mà chơi đánh bạc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 03 con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 04/5/2011; Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/12/2012 và cháu Huỳnh Văn K, sinh ngày 14/3/2019. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2023 và trong quá trình tham gia giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn T là bị đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với ý kiến của chị D về quá trình chung sống vợ chồng từ năm 2010. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 09/9/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là cãi vã nhau về một vài chuyện nhỏ trong gia đình và chuyện tiền bạc. Nay chị D xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Anh và chị D có 03 con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 04/5/2011; Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/12/2012 và cháu Huỳnh Văn K, sinh ngày 14/3/2019. Khi ly hôn anh đồng ý giao 03 con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị D và anh T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh T đi làm mà không mang tiền về nuôi con mà để chị D tự lo cho các con, hơn nữa vợ chồng chị D và anh T đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Xét thấy, hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ chấp nhận.

+ Về con chung: Giao 03 cháu Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 04/5/2011; Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/12/2012 và cháu Huỳnh Văn K, sinh ngày 14/3/2019 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

+ Về nợ chung: Không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Đinh Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Huỳnh Văn T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T hiện đang cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đinh Thị D và bị đơn anh Huỳnh Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị D và bị đơn anh T theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị D và anh T xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T đi làm, nhưng không mang tiền về để lo cho vợ con mà dùng tiền chơi đánh bạc. Chị D đã khuyên anh T nhiều lần và cho cơ hội anh T trở về để vợ chồng cùng lo cho con, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh T là có xảy ra trên thực tế. Vì vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T là nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhưng anh T không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị D và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hơn nữa chị D và anh T đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: Chị D và anh T thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị có 03 con chung tên Huỳnh Thị Yên N, sinh ngày 04/5/2011; Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/12/2012 và cháu Huỳnh Văn K, sinh ngày 14/3/2019. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 003 con chung. Anh T cũng đồng ý giao 03 con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với ý kiến của cháu N và cháu N nên có cơ sở giao cháu N, Nhiên và K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị D yêu cầu ly hôn với anh T nên chị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

[9] Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 5, 28, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/. Về hôn nhân: Xử cho chị Định Thị D được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.
- 2/. Về con chung: Giao 03 cháu Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 04/5/2011; Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/12/2012 và cháu Huỳnh Văn K, sinh ngày 14/3/2019 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Huỳnh Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.
- 3/. Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.
- 4/. Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- 5/. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Định Thị D phải nộp 300.000 đồng. Chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008553 ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bạc Liêu;
- THA TP. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Yến Nhi